

UBND PHƯỜNG NAM ĐỊNH  
TRƯỜNG TIỂU HỌC KIM ĐỒNG

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ  
NĂM HỌC 2025-2026**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh, chức vụ</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Chữ ký</b>
1	Bùi Thị Ngọc Dung	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Dương Thu Giang	Nhân viên TV - Văn thư	Thư ký Hội đồng	
3	Võ Thị Thanh Hải	TT tổ 2,3; KT khối 3	Ủy viên Hội đồng	
4	Bùi Thị Chung	TT tổ 4,5; KT khối 5	Ủy viên Hội đồng	
5	Nguyễn Thị Phương Hậu	Tổ trưởng tổ 1	Ủy viên Hội đồng	
6	Nguyễn Thị Hoài	TPCM tổ 4,5	Ủy viên Hội đồng	
7	Đào Thu Thảo	TPCM tổ 2,3	Ủy viên Hội đồng	
8	Vũ Nam Dương	Tổ trưởng Tổ NT	Ủy viên Hội đồng	
9	Lê Thị Hương	GV Tin học	Ủy viên Hội đồng	
10	Lã Thu Hiền	Tổng phụ trách Đội	Ủy viên Hội đồng	
11	Vũ Thu Hà	Kế toán	Ủy viên Hội đồng	

*(Danh sách này gồm 11 người)*

## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
<b>Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU</b>	4
<b>Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>	6
<b>A. ĐẶT VẤN ĐỀ</b>	6
<b>B. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>	8
<b>I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ</b>	8
<b>1. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học</b>	8
Tiêu chí 1.1	8
Tiêu chí 1.2	9
Tiêu chí 1.3	9
Tiêu chí 1.4	11
Tiêu chí 1.5	12
Tiêu chí 1.6	13
Tiêu chí 1.7	14
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học</i>	16
<b>2. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục</b>	16
Tiêu chí 2.1	17
Tiêu chí 2.2	17
Tiêu chí 2.3	18
Tiêu chí 2.4	20
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục</i>	21
<b>Phần III. KẾT LUẬN CHUNG</b>	22

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

### 1. Kết quả đánh giá

*(Đánh dấu (×) vào ô kết quả tương ứng Kết quả đạt)*

Tiêu chí	Kết quả đạt		
	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
<b>Nhóm tiêu chí 1</b>			
Tiêu chí 1.1	Đạt yêu cầu		
Tiêu chí 1.2	Đạt yêu cầu		
Tiêu chí 1.3			X
Tiêu chí 1.4		X	
Tiêu chí 1.5			X
Tiêu chí 1.6			X
Tiêu chí 1.7			X
<b>Nhóm tiêu chí 2</b>			
Tiêu chí 2.1	Đạt yêu cầu		
Tiêu chí 2.2	Đạt yêu cầu		
Tiêu chí 2.3			X
Tiêu chí 2.4			X

**Kết quả: Đạt Mức độ 3**

**2. Kết luận: Đạt mức độ 3**

**Phần I**  
**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương: NINH BÌNH

Xã/ phường/thị trấn: NAM ĐỊNH

Điện thoại: 0919016954 (Hiệu trưởng)

Email: thkimdong.nd@gmail.com

Website: <https://c1thkimdong.ninhbinh.edu.vn/>

Đạt mức độ chuyển đổi số: **Mức độ 3**

**1. Số học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên**

Năm học 2025-2026:

- Số học sinh nhà trường:

<b>Khối</b>	<b>Số học sinh</b>	<b>Học sinh nữ</b>	<b>Ghi chú</b>
Khối 1	120	54	
Khối 2	127	64	
Khối 3	133	58	
Khối 4	175	72	
Khối 5	174	82	
<b>Cộng</b>	<b>729</b>	<b>330</b>	

- Số cán bộ, giáo viên, nhân viên:

	<b>Tổng số</b>	<b>Nữ</b>	<b>Dân tộc</b>	<b>Trình độ đào tạo</b>				<b>Ghi chú</b>
				<b>TS</b>	<b>ĐH</b>	<b>CĐ</b>	<b>TC</b>	
Hiệu trưởng	1	1		1				
Phó Hiệu trưởng	0	0						
Giáo viên	36	33			34	2		
Nhân viên	3	2			1	2		
<b>Cộng</b>	<b>40</b>	<b>36</b>		<b>1</b>	<b>35</b>	<b>4</b>		

## 2. Nhân sự thực hiện chuyển đổi số

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ tin học	Ghi chú
1	Bùi Thị Ngọc Dung	Hiệu trưởng	Tin học cơ bản	- Chủ tịch HĐ
2	Dương Thu Giang	Nhân viên TV – Văn thư	Tin học cơ bản	- Thư ký hội đồng
3	Võ Thị Thanh Hải	Tổ trưởng tổ 2,3; khối trưởng khối 3	Tin học cơ bản	- Ủy viên HĐ
4	Bùi Thị Chung	Tổ trưởng tổ 4,5; khối trưởng khối 5	Tin học cơ bản	- Ủy viên HĐ
5	Nguyễn Thị Phương Hậu	Tổ trưởng tổ 1	Tin học cơ bản	- Ủy viên HĐ
6	Nguyễn Thị Hoài	Khối trưởng khối 4 – TPCM 4,5	Tin học cơ bản	- Ủy viên HĐ
7	Đào Thu Thảo	Khối trưởng khối 2 – TPCM 2,3	Tin học cơ bản	- Ủy viên HĐ
8	Lê Thị Hương	GV Tin học	Đại học CNTT	- Ủy viên HĐ
9	Vũ Nam Dương	Tổ trưởng tổ NT	Tin học cơ bản	- Ủy viên HĐ
10	Lã Thu Hiền	Tổng phụ trách Đội	Tin học cơ bản	- Ủy viên HĐ
11	Vũ Thu Hà	Kế toán	Tin học cơ bản	- Ủy viên HĐ

## 3. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin

\* Phòng Tin học: 01 phòng được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất như bàn ghế, máy tính, Tivi, mạng Internet, mạng LAN...

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy tính xách tay	Cái	1
2	Máy tính bàn	Bộ	21
3	Bàn máy tính	Cái	21
4	Ti vi thông minh	Cái	01
5	Ghế	Cái	47
6	Bàn giáo viên	Bộ	01
7	Phần mềm quản lý phòng máy		01
8	Điều hòa	Cái	02
9	Quạt trần	Cái	04
10	Camera giám sát	Cái	1

\* Phòng học, phòng chức năng

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>
1	Máy tính xách tay cho QL và GV	Cái	5
2	Máy tính bàn	Bộ	5
3	Camera giám sát	Mắt	29
4	Ti vi	Cái	27
5	Điều hòa	Cái	60
6	Hệ thống âm thanh: loa, micro	Bộ	02
7	Máy chiếu	Bộ	03

#### **4. Các số liệu khác (nếu có)**

## **Phần II**

### **TỰ ĐÁNH GIÁ**

#### **A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

##### **1. Tình hình chung của nhà trường**

Hiện nay, trường có 24 lớp với 730 HS và 40 CB, GV, NV; 40 đồng chí trong biên chế.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, luôn nhiệt tình có trách nhiệm, luôn có tinh thần cầu tiến, có sự đầu tư học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, sử dụng CNTT trong quản lý, dạy học và thông tin liên lạc; Có phẩm chất chính trị vững vàng, chấp hành tốt mọi chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước, các quy định của ngành và của địa phương.

##### **2. Mục đích TĐG**

Thực hiện tự đánh giá mức độ chuyển đổi số theo “Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên” được ban hành tại Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, để đánh giá công tác chuyển đổi số của nhà trường năm học 2025-2026.

##### **3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG**

###### **3.1. Công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện**

Nhà trường quán triệt và triển khai đầy đủ, kịp thời đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường các văn bản chỉ đạo các cấp về ứng dụng CNTT, CDS:

+ Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GD&ĐT v/v ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

+ Căn cứ Kế hoạch số 27/KH-SGDĐT ngày 19/9/2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Ninh Bình về Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2025;

- Đã ban hành các kế hoạch và Quyết định:

+ Quyết định số 108/QĐ-THKĐ ngày 8/10/2025 về việc Ban hành Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến từ NH 2025-2026;

+ Kế hoạch số 109/KH-THKĐ ngày 10/10/2025 về kế hoạch dạy học trực tuyến kết hợp với dạy học trực tiếp NH 2025-2026;

+ Quyết định số 110/QĐ-THKĐ ngày 14/10/2025 về việc Ban hành Quy chế và sử dụng hệ thống quản trị trong nhà trường;

+ Kế hoạch số: 88/KH-THKĐ ngày 15/10/2025 về kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số từ NH 2024-2025.

+ Quyết định số 87/QĐ-THKĐ ngày 19/9/2025 về việc thành lập BCD triển khai CNTT, chuyển đổi số năm học 2025-2026.

### **3.2. Công tác tự đánh giá của các thành viên trong nhà trường**

Ban hành quyết định số 32/QĐ-THKĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá, đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2025-2026 kèm theo danh sách Hội đồng tự đánh giá chuyển đổi số; QĐ số 87/QĐ-THKĐ ngày 19/9/2025 về việc thành lập Ban chỉ đạo, phụ trách, triển khai Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm học 2025-2026 kèm theo danh sách ban chỉ đạo, phụ trách chuyển đổi số và phân công nhiệm vụ cụ thể Ban chỉ đạo, phụ trách tự đánh giá chuyển đổi số.

+ Hội đồng tiến hành tự đánh giá dựa trên các hồ sơ, minh chứng cụ thể và ghi chép biên bản đầy đủ, đúng quy định.

+ Hoàn thiện báo cáo công tác triển khai việc tự đánh giá mức độ chuyển đổi số.

+ Ra quyết định phê duyệt kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số.

### **3.3. Những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG**

Nhà trường đã làm tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, quản lý, giáo viên và học sinh về ý nghĩa, tác dụng của chuyển đổi số, tầm quan trọng của việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong giai đoạn hiện tại và thời gian tiếp theo.

Nhà trường tiếp tục triển khai phần mềm quản trị nhà trường, triển khai các phân hệ: quản lý người học (hồ sơ, kết quả quá trình học tập, rèn luyện, học bạ, sức khỏe), quản lý đội ngũ, quản lý cơ sở vật chất, tài chính.

Đẩy mạnh thanh toán các khoản thu bằng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, kết nối phần mềm quản lý các khoản thu của nhà trường với các nền

tăng thanh toán không dùng tiền mặt. Đảm bảo kết nối thông suốt với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện và triển khai hiệu quả Học bạ số trong nhà trường theo kế hoạch chung của ngành.

## **B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

### **I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ**

#### **NHÓM TIÊU CHÍ**

#### **CHUYÊN ĐỔI SỐ TRONG DẠY, HỌC**

**Tiêu chí 1.1: Ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với học trực tiếp)**

*Điều kiện bắt buộc: Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Năm học 2025-2026, nhà trường xây dựng kế hoạch số 109/KH-THKĐ ngày 10/10/2025 về kế hoạch dạy học trực tuyến NH 2025-2026.

#### **2. Điểm mạnh**

BGH nhà trường luôn chú trọng công tác Chuyển đổi số trong nhà trường, triển khai kịp thời bằng hệ thống kế hoạch, hướng dẫn đúng theo hướng dẫn của ngành, phù hợp với điều kiện của đơn vị; luôn huy động tối đa tất cả nguồn lực về CSVC và nhân lực để đảm bảo chất lượng công tác chuyển đổi số của đơn vị trong năm học.

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch dạy học trực tuyến kết hợp với dạy học trực năm học 2025-2026 đảm bảo các nội dung quy định của Điều 15, Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT và bám sát vào các hướng dẫn của Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT.

100% giáo viên nắm vững các kỹ năng, tiến trình dạy học trực tiếp kết hợp với dạy học trực tuyến.

Nhà trường có Hợp đồng với nhà mạng Viettel, VNPT để triển khai kết nối mạng đến từng phòng học và phòng làm việc.

#### **3. Điểm yếu**

Đã thực hiện kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến kết hợp với dạy học trực tiếp (*cho một số HS nghỉ học do cúm A, sốt vi rút phải cách ly tại nhà*), tuy nhiên việc thiết lập lưu hình ảnh minh chứng về các tiết dạy trực tuyến năm học 2025-2026 còn hạn chế.

Hệ thống máy tính trang bị cho phòng Tin học của nhà trường chưa đủ 1 HS/máy, ý thức của 1 số HS chưa cao, chưa tự giác trong quá trình học, một số phụ huynh chưa quan tâm và dành thời gian tìm hiểu hoạt động để chủ động trong công tác phối hợp với nhà trường.

#### **4. Kế hoạch cải tiến**

Tiếp tục tổ chức dạy học trực tuyến các môn học, HĐGD cần phù hợp với tình hình thực tế, điều kiện, đặc trưng của nhà trường.

Tổ chức lưu trữ hình ảnh minh chứng về các tiết dạy học trực tuyến khoa học hơn.

#### **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu**

##### **Tiêu chí 1.2: Ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến**

*Điều kiện bắt buộc: Ban hành Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến (Ban hành kèm theo kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến hàng năm)*

##### **1. Mô tả hiện trạng**

Nhà trường đã ban hành Quy chế dạy học trực tuyến đối với cán bộ, giáo viên, học sinh năm học 2025-2026 kèm theo Quyết định số 108/QĐ-THKD ngày 8/10/2025.

##### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã ban hành Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức dạy và học trực tuyến đối với cán bộ, giáo viên, học sinh nhà trường đảm bảo các nội dung của Điều 15, Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT.

##### **3. Điểm yếu**

Hạ tầng mạng, trang thiết bị CNTT, đường truyền, dịch vụ Internet chưa đồng bộ, chưa ổn định.

Nội dung quy chế còn chung chung chưa chỉ rõ cụ thể về chế độ làm việc đối với giáo viên dạy học trực tuyến và cách thức đánh giá kết quả học tập của học sinh.

##### **4. Kế hoạch cải tiến**

Tiếp tục tuyên truyền phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm, thông suốt về tư tưởng và quyết tâm hợp lực thực hiện chuyển đổi số trong toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên;

#### **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu**

##### **Tiêu chí 1.3: Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến (Tối đa 30 điểm)**

*Mức độ 1: Dưới 10 điểm. Có triển khai hệ thống, chưa áp dụng cho toàn trường, các chức năng không đầy đủ hoặc ít khai thác. Dữ liệu sử dụng ít.*

*Mức độ 2: Từ 10 -20 điểm. Có triển khai hệ thống, đã áp dụng cho toàn trường, các chức năng tương đối đầy đủ. Dữ liệu sử dụng đối với đơn vị ở mức từ trung bình trở lên.*

*Mức độ 3: Trên 20 điểm. Có triển khai hệ thống, đã áp dụng cho toàn trường, các chức năng đầy đủ. Dữ liệu sử dụng hệ thống ở mức khá trở lên.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

*Mức độ 1:*

Tại thời điểm tự đánh giá nhà trường có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trên nền tảng OLM: Phần mềm Zoom, Google Meet.

*Mức độ 2:*

Ngay từ năm học 2020-2021 khi dịch Covid19 xảy ra, nhà trường đã chỉ đạo các bộ phận chuyên môn, tổ Công nghệ thông tin nhà trường triển khai các phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp như Zoom, Goodle Meet, OLM, Azota.... Tập huấn, hướng dẫn cho giáo viên sử dụng để tổ chức dạy học.

Năm học 2025-2026, không phải dạy trực tuyến vì không xảy ra dịch bệnh hay thiên tai.

*Mức độ 3:*

Tại thời điểm tự đánh giá nhà trường có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: Zoom, Google Meet....

Nhà trường có hợp đồng cung cấp giải pháp chuyển đổi số trên nền tảng OLM miễn phí.

Có hệ thống quản lý học tập trực tuyến có các chức năng: Chức năng giáo viên giao bài cho học sinh tự học; Chức năng tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên.

### **2. Điểm mạnh**

Tại thời điểm đánh giá, nhà trường có triển khai hệ thống, đã áp dụng cho toàn trường, các chức năng tương đối đầy đủ. Dữ liệu sử dụng đối với đơn vị ở mức từ trung bình trở lên.

Xây dựng được kế hoạch hoạt động khoa học, rõ ràng, bám sát kế hoạch và các văn bản chỉ đạo của các cấp lãnh đạo, phát huy có hiệu quả khi triển khai các hoạt động giáo dục và bồi dưỡng chuyên môn cho các thành viên trong các tổ chuyên môn.

### **3. Điểm yếu**

Việc triển khai phần mềm dạy học trực tuyến chưa thể hiện rõ trên kế hoạch giáo dục của các tổ chuyên môn.

Một số giáo viên chưa triển khai thường xuyên.

### **4. Kế hoạch cải tiến**

Từ năm học 2025 - 2026, tiếp tục tăng cường công tác bồi dưỡng năng lực chuyên môn trong chuyển đổi số cho tất cả giáo viên trong nhà trường.

### **5. Tự đánh giá:**

Chỉ số	Điểm
- Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến kết hợp với trực tiếp.	6
- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LCMS). Hệ thống quản lý học tập trực tuyến ( <a href="https://olm.vn/home?action=login">https://olm.vn/home?action=login</a> ) có các chức năng: + Chức năng giáo viên giao bài cho học sinh tự học; + Chức năng GV trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh + Chức năng tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên. + Có chức năng phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.	16
<b>Tổng điểm: 22 - Đạt: Mức độ 3</b>	

#### **Tiêu chí 1.4: Số lượng học liệu được số hóa (Tối đa 10 điểm)**

Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu CSGD phê duyệt)

*Mức độ 1: dưới 4 điểm. Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm.*

*Mức độ 2: từ 4 - 6 điểm. Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm.*

*Mức độ 3: trên 7 điểm. Nhiều hơn 40 học liệu: tối đa 10 điểm.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường; kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học; kế hoạch triển khai thực hiện ứng dụng CNTT chuyển đổi số trong dạy học và quản trị nhà trường năm học 2025-2026.

Học liệu dạy học trực tuyến được xây dựng theo chương trình giáo dục phổ thông, bao gồm: Bài giảng điện tử, bài giảng E-Learning, hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập và kiểm tra, đánh giá lưu trữ trên hệ thống OLM (<https://olm.vn/home?action=login>).

Học liệu dạy học trực tuyến sử dụng trong nhà trường được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phổ thông phê duyệt. Năm học 2025-2026 là: 38 học liệu.

#### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch triển khai tới toàn thể CB,GV,NV về ứng dụng CNTT chuyển đổi số trong dạy học và quản trị nhà trường phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của đơn vị;

Học liệu dạy học sử dụng trong nhà trường đã được tổ chuyên môn thông qua và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt, có đường Link cụ thể, được chia sẻ tới toàn bộ CB,GV,NV, rất thuận tiện cho việc lưu trữ, sử dụng, quản lý và kiểm tra.

### 3. Điểm yếu

Số lượng học liệu được số hóa đã đảm bảo về số lượng, tuy nhiên chất lượng của một số học liệu còn sơ sài.

### 4. Kế hoạch cải tiến

Trong năm học 2025-2026 và trong các năm học tiếp theo để đẩy mạnh ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong dạy học, nhà trường tiếp tục đầu tư nhiều hơn vào cơ sở hạ tầng CNTT

### 5. Tự đánh giá:

Chỉ số	Điểm
Trên hệ thống là 38 học liệu năm học 2025-2026 đã được số hóa	6
<b>Tổng điểm: 6 - Đạt: Mức độ 2</b>	

**Tiêu chí 1.5: Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính (Tối đa 20 điểm)**

*Mức độ 1: dưới 8 điểm. Có kế hoạch triển khai và đã triển khai dưới 30% các môn có điều kiện đáp ứng.*

*Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm. Có kế hoạch triển khai và đã triển khai được 60% các môn có điều kiện đáp ứng.*

*Mức độ 3: trên 14 điểm. Có kế hoạch triển khai và đã triển khai trên 60% các môn có điều kiện đáp ứng.*

#### 1. Mô tả hiện trạng

Có kế hoạch số 184/KH-THKD ngày 30 tháng 12 năm 2025 về tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học sinh trên phòng máy tính năm học 2025-2026 (kiểm tra cuối năm học môn Tin học,...)

Học sinh làm bài thực hành môn Tin học trên máy tính và lưu kết quả vào ổ cứng phòng máy tính. Hồ sơ dữ liệu thực tế trên hệ thống phần mềm khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính (hệ thống OLM).

Học sinh làm bài thi trong các cuộc thi Tiếng Anh trên Internet (IOE), Sân chơi kỹ năng sống cấp trường, cấp phường, cấp tỉnh có lưu kết quả.

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có kế hoạch kiểm tra, đánh giá năm học 2025-2026 có nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học sinh trên phòng máy tính.

## 3. Điểm yếu

Chưa có phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường.

## 4. Kế hoạch cải tiến

Tiếp tục hướng dẫn cho giáo viên tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh trên trang <https://olm.vn/home?action=login>) với các môn học khác.

## 5. Tự đánh giá:

Chỉ số	Điểm
- Có kế hoạch kiểm tra, đánh giá năm học 2025-2026 có nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học sinh trên phòng máy tính. - Quy chế tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập học sinh trên phòng máy tính	12
- Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường	3
<b>Tổng điểm: 15- Đạt: Mức độ 3</b>	

### Tiêu chí 1.6: Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số (Tối đa 20 điểm)

*Mức độ 1: dưới 8 điểm.*

*Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm.*

*Mức độ 3: trên 14 điểm.*

#### 1. Mô tả hiện trạng

- 100% cán bộ, giáo viên có tài khoản trực tuyến sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến LMS để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu về: Chương trình giáo dục phổ thông 2018, chương trình bồi dưỡng thường xuyên và các nội dung bồi dưỡng khác của Sở, Phòng và cơ sở giáo dục tổ chức.

- 100% CBGVNV nhà trường đã tự bồi dưỡng các khóa học chương trình quốc gia chuyển đổi số (khóa đào tạo chuyển đổi số trong giáo dục, UD trí tuệ

nhân tạo, kỹ thuật xây dựng BGĐT và vận hành đào tạo E-learning) qua các lớp học trực tuyến do các chuyên gia tổ chức.

- 36/36 GV (đạt 100%) sử dụng thành thạo các tính năng trên OLM để khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học.

- 20/36 GV (đạt 55,5%) có thể xây dựng bài giảng điện tử E-learning Pro có chất lượng; 17/36 GV (đạt 47,2%) có thể xây dựng học liệu học liệu số.

## 2. Điểm mạnh

Tại thời điểm đánh giá, 100% cán bộ, giáo viên có tài khoản trực tuyến sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, đảm bảo khai thác các phần mềm hỗ trợ học tập.

## 3. Điểm yếu

Việc triển khai phần mềm dạy học trực tuyến chưa thể hiện rõ trên kế hoạch giáo dục nhà trường và kế hoạch của tổ/khối chuyên môn.

Một số giáo viên chưa triển khai thường xuyên.

## 4. Kế hoạch cải tiến

Tiếp tục tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, phụ huynh và học sinh về vai trò của ứng dụng CNTT và nhiệm vụ chuyển đổi số.

Tiếp tục tăng cường công tác bồi dưỡng năng lực chuyên môn trong chuyên đổi số cho tất cả giáo viên trong nhà trường.

## 5. Tự đánh giá

Chỉ số	Điểm
- 100% cán bộ, giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng trực tuyến.	7
- 100% giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học.	7
- 55,5% giáo viên có thể xây dựng bài giảng điện tử, học liệu số.	6
<b>Tổng điểm: 16 - Đạt: Mức độ 3</b>	

**Tiêu chí 1.7: Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học (Tối đa 20 điểm)**

*Mức độ 1: dưới 8 điểm.*

*Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm.*

*Mức độ 3: trên 14 điểm.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Nhà trường đã ban hành Quy chế quản lý, sử dụng hệ thống quản trị nhà trường năm học 2025-2026, phân công nhiệm vụ, trách nhiệm của từng thành viên trong nhà trường để quản lý, giám sát và vận hành các phần mềm đảm bảo theo quy định.

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ quản lý, sử dụng (danh mục trang thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ dạy học các phòng học, các phòng chức năng; Biên bản kiểm kê tài sản, thiết bị dạy học,...).

Hiện tại nhà trường đang sử dụng 2 đường truyền internet có tốc độ cao của nhà viễn thông Viettel và VNPT cung cấp dịch vụ internet. Tất cả các phòng học, phòng chức năng đều có kết nối mạng có dây. Hệ thống Wifi của nhà trường phát 2 băng tần 4G và 5G phủ kín ở tất cả các phòng (có hợp đồng, có hóa đơn tiền internet,...).

- Phòng Tin học gồm 21 máy tính đảm bảo ít nhất 2 HS/1 máy tính. Hệ thống máy tính, thiết bị phụ trợ trong phòng có kết nối internet, mạng LAN đảm bảo cho việc dạy học môn Tin học và xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử.

## **2. Điểm mạnh**

Hệ thống Internet, camera di động được lắp đặt 100% trên các lớp.

Đa số cán bộ, giáo viên, nhân viên có trình độ chuyên môn tốt, 100% CB, GV, NV có chứng chỉ Tin học đạt trình độ Tin học cơ bản trở lên.

Nhà trường kết hợp với phòng Tin học xây dựng phòng Studio (máy tính có cấu hình đủ mạnh để chạy các phần mềm biên tập phim, hình ảnh và âm thanh phục vụ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử; thiết bị phụ trợ).

## **3. Điểm yếu**

Đội ngũ giáo viên tuy có trình độ được bồi dưỡng về tin học tương đối đầy đủ song việc ứng dụng, sử dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy vẫn còn nhiều hạn chế.

Phòng Tin học máy tính hay hỏng hóc, các thiết bị tiên tiến thông minh trên các phòng học chưa có.

## **4. Kế hoạch cải tiến**

Nhà trường ưu tiên, tập trung mọi nguồn lực kinh tế để mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số.

Triển khai tập huấn kỹ năng sử dụng hệ thống dữ liệu, các phần mềm ứng dụng trong hoạt động giảng dạy tới giáo viên thuộc các tổ chuyên môn.

**5. Tự đánh giá:**

<b>Chỉ số</b>	<b>Điểm</b>
- 100% các phòng học đều có ti vi kết nối Internet, có Camera di động, 100% giáo viên đều có máy tính để dạy học.	8
- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn Tin học	7
-Phòng studio (gồm MT, thiết bị phụ trợ cho việc xây dựng học liệu số, BGĐT)	2
<b>Tổng điểm: 17 - Đạt: Mức độ 3</b>	

## KẾT LUẬN VỀ NHÓM TIÊU CHÍ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG DẠY, HỌC

**1. Điểm mạnh:**

Ban hành đầy đủ kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp) và quy chế tổ chức dạy học trực tuyến.

Nhà trường đã triển khai các phần mềm dạy học trực tuyến, phần mềm có chức năng giao bài cho học sinh tự học, có chức năng giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh, có chức năng tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên

**2. Điểm yếu:**

Phần mềm dạy học trực tuyến nhà trường đang sử dụng, chưa có chức năng phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.

**3. Kết quả:**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Không đạt</b>	<b>Đạt</b>		
		<i>Mức 1</i>	<i>Mức 2</i>	<i>Mức 3</i>
Tiêu chí 1.1		x		
Tiêu chí 1.2		x		
Tiêu chí 1.3				22 điểm
Tiêu chí 1.4				6 điểm
Tiêu chí 1.5				15 điểm
Tiêu chí 1.6				20 điểm
Tiêu chí 1.7				17 điểm
		<b>Tổng điểm: 80 điểm, Đạt mức độ 3</b>		

## NHÓM TIÊU CHÍ

### CHUYÊN ĐỔI SỐ TRONG QUẢN TRỊ CƠ SỞ GIÁO DỤC

**Tiêu chí 2.1: Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.**

*Điều kiện bắt buộc: Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.*

#### 1. Mô tả hiện trạng

Năm học 2025-2026, nhà trường đã triển khai xây dựng và ban hành: Quyết định số 87/QĐ-THKĐ ngày 19 tháng 9 năm 2025 v/v thành lập Ban chỉ đạo triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số năm học 2025-2026.

#### 2. Điểm mạnh

Các đồng chí được phân công thực hiện nhiệm vụ Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số đều nhiệt tình trong công tác, có trình độ, năng lực chuyên môn vững vàng, có nhiều kinh nghiệm trong việc ứng dụng CNTT trong quản lý và giảng dạy; có tinh thần trách nhiệm cao.

#### 3. Điểm yếu

Hạ tầng trang thiết bị CNTT cần tiếp tục nâng cấp, bảo dưỡng và bổ sung.

#### 4. Kế hoạch cải tiến

Trong năm học 2025-2026 nhà trường tiếp tục rà soát, ra quyết định kiện toàn phân công Ban chỉ đạo CNTT và CDS đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ.

Tăng cường rà soát, bổ sung cơ sở vật chất, hạ tầng, thiết bị CNTT thiết thực phục vụ dạy - học

Tiếp tục tạo mọi điều kiện để đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tự học, tự bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng CNTT, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

#### 5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu

**Tiêu chí 2.2: Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.**

*Điều kiện bắt buộc: Có ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.*

#### 1. Mô tả hiện trạng

Năm học 2025-2026, nhà trường đã xây dựng và ban hành: Kế hoạch số 88/KH-THKĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong dạy học và quản trị nhà trường năm học 2025-2026.

Báo cáo sơ kết HKI, báo cáo tổng kết năm học đều có nội dung đánh giá tiến độ triển khai các nhiệm vụ về ứng dụng CNTT và CDS trong dạy học và quản trị nhà trường.

## **2. Điểm mạnh:**

Nhà trường đã quán triệt chỉ đạo của các cấp về việc triển khai thực hiện công tác ứng dụng CNTT, chuyển đổi số tới toàn thể CB,GV,NV.

100% CB,GV,NV đều có trình độ Tin học (100% CB,GV,NV có chứng chỉ Tin học đạt trình độ Tin học cơ bản trở lên, trong đó có 02 giáo viên có bằng Đại học CNTT).

- 100% CBGVNV nhà trường đã tự bồi dưỡng các khóa học chương trình quốc gia chuyển đổi số (khóa đào tạo chuyển đổi số trong giáo dục, UD trí tuệ nhân tạo, kỹ thuật xây dựng BGĐT và vận hành đào tạo E-learning) qua các lớp học trực tuyến do các chuyên gia tổ chức.

Đã thực hiện thanh toán các khoản thu bằng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt; kết nối phần mềm quản lý các khoản thu của nhà trường với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt.

Nhà trường đã triển khai thực hiện gửi, duyệt kế hoạch bài dạy hàng tuần trực tuyến trên hệ thống Vnedu

Nhà trường đã ký hợp đồng cung cấp giải pháp chuyển đổi số trên nền tảng Vnedu với nhà cung cấp VNPT và triển khai hiệu quả việc gửi, ký duyệt kế hoạch dạy học trên trang Vnedu.vn. Giao bài, trao đổi thông tin qua App vnEduConnect của Vinaphone có thể trao đổi, nhận thông tin, giao bài tập

Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để triển khai Học bạ số trong nhà trường theo kế hoạch chung của ngành.

## **3. Điểm yếu:**

Hạ tầng trang thiết bị CNTT cần tiếp tục được bổ sung và nâng cấp.

## **4. Kế hoạch cải tiến:**

Tiếp tục rà soát kế hoạch, kịp thời điều chỉnh kế hoạch để đảm bảo hoàn thành kế hoạch.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng mạng đồng bộ, thiết bị công nghệ thông tin thông minh thiết thực phục vụ dạy - học, tạo cơ hội học tập cho giáo viên và học sinh.

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.**

### **Tiêu chí 2.3: Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường.**

*Mức độ 1: dưới 20 điểm.*

*Mức độ 2: từ 20 -50 điểm.*

*Mức độ 3: trên 50 điểm.*

## 1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có ban hành Quy chế quản lý, sử dụng hệ thống quản trị nhà trường năm học 2025-2026 kèm theo Quyết định số 110/ QĐ-THKĐ ngày 14/10/2025. Quy chế được công khai trên cổng thông tin điện tử và thông báo tới toàn bộ cán bộ, GV, NV của nhà trường.

Nhà trường có triển khai phần mềm quản trị nhà trường như:

- Triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập) trên hệ thống CSDL ngành của Bộ GD&ĐT <https://csdl.moet.gov.vn.>, trên hệ thống phần mềm QLNT VNEDU <https://vnedu.vn/>

- Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để triển khai Học bạ số trong nhà trường theo kế hoạch chung của ngành. Quản lý học bạ điện tử, hồ sơ học sinh trên hệ thống phần mềm QLNT VNEDU <https://vnedu.vn/>

- Triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV: Quản lý cán bộ, công chức, viên chức <https://ccvcnamdinh.vnerp.vn/>; Đánh giá chuẩn nghề nghiệp CBGV <https://temis.csdl.edu.vn/>

- Triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất, triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh.

- Triển khai phân hệ quản lý kế toán (tài chính, tài sản) trên Hệ thống phần mềm Misa, dịch vụ công <https://dvc.vst.mof.gov.vn/>

- Triển khai phân hệ quản lý hồ sơ chuyên môn GV trên hệ thống phần mềm QLNT VNEDU <https://vnedu.vn/>

- Triển khai các phần mềm phục vụ quản lý điều hành khác: Cổng thông tin điện tử, quản lý văn bản điện tử...:

Cổng TTĐT nhà trường <https://c1thkimdong.ninhbinh.edu.vn> ;

Hệ thống QLVB và điều hành [https://vpdntd.vnptioffice.vn/qlvbdh\\_ndh](https://vpdntd.vnptioffice.vn/qlvbdh_ndh);

Quản lý phổ cập trên hệ thống <http://pcgd.moet.gov.vn>;

Bồi dưỡng CBQL, giáo viên <https://taphuan.csdl.edu.vn/>

## 2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã ban hành Quy chế quản lý, sử dụng hệ thống quản trị nhà trường năm học 2025-2026, phân công nhiệm vụ, trách nhiệm của từng thành viên trong nhà trường để quản lý các phần mềm trực tuyến, đảm bảo theo quy định.

## 3. Điểm yếu:

Việc cập nhật thông tin trên các phần mềm đối với giáo viên vẫn còn cá nhân thực hiện cập nhật chậm so với quy định hoặc cập nhật thông tin học sinh còn thiếu.

Việc sử dụng các tính năng trong từng phân hệ ở một số phần mềm còn hạn chế.

#### 4. Kế hoạch cải tiến:

Tiếp tục quán triệt trong nhà trường thực hiện tốt các quy định trong việc sử dụng và quản lý hồ sơ điện tử đảm bảo an toàn đúng quy định.

Bộ phận tài chính thực hiện đúng thời gian việc gia hạn các phần mềm để duy trì, đảm bảo kịp thời trong thực hiện nhiệm vụ tại nhà trường.

#### 5. Tự đánh giá:

	Chỉ số	Điểm
2.3.1	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng hệ thống quản trị nhà trường năm học 2025-2026	6
2.3.2	Phần mềm quản lý trường học VNEDU, CSDL ngành của Bộ GDĐT (Có triển khai phân hệ quản lý học sinh: quản lý hồ sơ, kết quả học tập.	6
2.3.3	Phần mềm quản lý trường học VNEDU (Có triển khai số điểm điện tử, học bạ điện tử)	10
2.3.4	Phần mềm CSDL ngành của Bộ GDĐT, PM Quản lý viên chức PM đánh giá chuẩn nghề nghiệp CBGV (Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV)	6
2.3.5	Phần mềm CSDL ngành của Bộ GDĐT, PM quản lý trường học VNEDU, Phần mềm Misa (Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất)	6
2.3.6	Phần mềm CSDL ngành của Bộ GDĐT, PM quản lý trường học VNEDU (Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh)	5
2.3.7	Phần mềm kế toán Misa (Có triển khai phân hệ quản lý kế toán)	6
2.3.8	Triển khai Phân hệ quản lý Thư viện điện tử	0
2.3.9	Quản lý hồ sơ chuyên môn giáo viên, học sinh trên phần mềm QLNT vnedu	5
2.3.10	Triển khai các phần mềm phục vụ quản lý điều hành khác: Cổng thông tin điện tử, quản lý văn bản điện tử...	5
2.3.11	Hệ thống CSDL ngành của Bộ GD&ĐT, Phần mềm QLNT đảm bảo kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành của Sở GDĐT, của Bộ GDĐT	10
<b>Tổng điểm: 65 - Đạt: Mức độ 3</b>		

#### Tiêu chí 2.4: Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến.

*Mức độ 1: dưới 10 điểm.*

*Mức độ 2: từ 10 -18 điểm.*

*Mức độ 3: trên 18 điểm.*

## 1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã ban hành Kế hoạch tuyển sinh lớp 1 năm học 2025-2026.

Từ năm học 2025-2026, nhà trường đã tổ chức tuyên truyền, họp đồng liên kết thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt với Ngân hàng Vietinbank, BIDV tới toàn thể CMHS, HS và đã bước đầu triển khai thực hiện; họp đồng với VNPT để triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường.

## 2. Điểm mạnh

Việc tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn đến phụ huynh học sinh được nhà trường triển khai hiệu quả qua các buổi họp Ban đại diện và họp CMHS.

Nhà trường đã triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt thuận lợi, nhận được sự đồng thuận của 100% phụ huynh học sinh.

Triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường của VNPT.

Việc triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường qua ứng dụng OTT thực hiện tốt. PHHH nắm bắt được thời gian về, thời gian đến lớp và tình hình học tập của các con.

## 3. Điểm yếu

Nhà trường chưa Triển khai Phân hệ quản lý Thư viện điện tử

## 4. Kế hoạch cải tiến

Nhà trường liên hệ với nhà cung cấp VNPT để có kế hoạch triển khai phân hệ quản lý Thư viện điện tử.

## 5. Tự đánh giá

Chỉ số	Điểm
- Triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường	12
- Triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến	0
- Triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt	7
<b>Tổng điểm: 19 - Đạt: Mức độ 3</b>	

## KẾT LUẬN VỀ NHÓM TIÊU CHÍ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG QUẢN TRỊ CƠ SỞ GIÁO DỤC

### 1. Điểm mạnh:

Có đầy đủ quyết định thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, CDS và kế hoạch ứng dụng CNTT, CDS.

Có triển khai phần mềm Quản trị nhà trường với đầy đủ các chức năng:

- + Có quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường.
- + Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập).
- + Có triển khai học bạ điện tử, triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV.
- + Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất.
- + Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh.
- + Có triển khai phân hệ quản lý kế toán.
- + Có triển khai phân hệ quản lý hồ sơ chuyên môn giáo viên.
- + Có triển khai các phần mềm phục vụ quản lý điều hành khác (công thông tin điện tử, quản lý văn bản điện tử).
- + Có triển khai các phần mềm quản trị nhà trường đảm bảo kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành của Sở GD-ĐT, của Bộ GD-ĐT.

### 2. Điểm yếu:

- Chưa có phân hệ quản lý thư viện điện tử
- Chưa triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến

### 3. Kết quả:

Tiêu chí	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 2.1			x	
Tiêu chí 2.2			x	
Tiêu chí 2.3				65 điểm
Tiêu chí 2.4				19 điểm
		<b>Tổng điểm: 84 điểm, Đạt mức độ 3</b>		

